CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN HÓA
TAN HOA PLASTIC JOINT STOCK COMPANY – VIKY PLASTIC CO.
ĐỊA CHỈ: 101 TÂN HÓA, PHƯỜNG 14, QUẬN 06, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
ĐIỆN THOẠI: 84 - 8 - 9692394/ 8589148/ 8582676 * FAX: 84 - 8 - 9692084
EMAIL: tanhoaplastic@hcm.vnn.vn
WEBSITE: www.tanhoaplastic.com/ www.vikyplastic.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN – Năm 2007

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

Những sự kiện quan trọng:

Tiền thân của Công ty là một xí nghiệp nhựa tư nhân hoạt động từ trước những năm 1975, chuyên sản xuất các loại bao bì nhựa PP với tên gọi VIKY PLASTIC (Việt Nam Kỹ Nghệ Nhựa Dẻo Công ty). Sau năm 1975, Công ty được Nhà nước lần lượt giao cho Sở Nông nghiệp, Công ty thức ăn chăn nuôi, và sau cùng là Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn quản lý với tên gọi là Xí nghiệp Bao Bì Nhựa Tân Hóa chuyên sản xuất các bao PP đựng thức ăn gia súc, đựng gạo, đường,… phục vụ nhu cầu các đơn vị trong ngành nông nghiệp và nhu cầu bao bì nhựa của thành phố Hồ Chí Minh.

Thời kỳ trước những năm 1995, Công ty hoạt động theo cơ chế bao cấp, máy móc thiết bị cũ kỹ lạc hậu, sản xuất cầm chừng, sản lượng và chất lượng đều chỉ ở mức trung bình. Từ sau năm 1995, Công ty đã nắm bắt những cơ hội của thời kỳ đổi mới, từng bước sắp xếp, thay đổi, hiện đại hoá máy móc, khai thác thị trường nên hoạt động sản xuất dần đi vào ổn định và từng bước phát triển. Đến năm 1999 theo Quyết định số 7592/QĐ-UB-KT ngày 10 tháng 12 năm 1999 của UBND Thành Phố Hồ Chí Minh về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước Xí nghiệp Nhựa Tân Hóa thành Công Ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa, Công Ty chính thức hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103000108 ngày 03/07/2000 của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh với mức vốn ban đầu là 4.687.000.000 (*bốn tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu*) đồng.

Ngày 01/11/2004 và ngày 16/08/2004, Công ty tăng vốn điều lệ thêm 12,1 tỷ đồng, nâng tổng số vốn điều lệ lên 16,8 tỷ đồng theo phương thức chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 01 cổ phiếu cũ được thưởng 3,6 cổ phiếu mới. Nguồn chia cổ phiếu thưởng là nguồn từ quỹ phát triển sản xuất và quỹ dự phòng tài chính.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông, ngày 07/04/2005 Công ty quyết định tăng vốn điều lệ từ 12,1 tỷ đồng lên 21,5 tỷ đồng thông qua hình thức một lần góp vốn của các cổ đông

Ngày 31/07/2006, Công ty tăng vốn điều lệ từ 21,5 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng thông qua việc phát hành thêm 6,2 tỷ đồng, trong đó phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư bên ngoài với số lượng 628.378 cổ phần.

Ngày 16/03/2007, Công ty tăng vốn điều lệ thêm 33 tỷ đồng, nâng vốn điều lệ lên 33 tỷ đồng theo phương thức chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 01 cổ phiếu cũ được thưởng 01 cổ phiếu mới từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2006.

Đồng thời để tiến hành xây dựng và di dời về Nhà máy sản xuất bao bì tại KCN Tân Đức, Công ty đã phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư bên ngoài với số lượng 4.700.000 cổ phần theo Quyết định số 111/UBCK-ĐKCB ngày 14/06/2007 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.Vốn điều lệ của Công ty CP Nhựa Tân Hóa đến thời điểm ngày 31/10/2007 là 80 tỷ đồng .

Công ty đã thực hiện việc Niêm yết cổ phiếu trên sàn Giao dịch chứng khoán (Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh) theo Giấy phép Niêm yết số 44/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám Đốc Sở Giao Dịch Chứng Khóan TP. Hồ Chí Minh ngày 31/03/2008. Cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Tân Hóa chính thức niêm yết và giao dịch trên sàn của sở giao dịch TP.HCM kể từ ngày 19/06/2008 với Mã chứng khóan VKP.

Quá trình phát triển:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty CP Nhựa Tân Hóa là sản xuất kinh doanh các sản phẩm màng nông nghiệp, thủy hải sản; các loại màng mỏng phức hợp PE, OPP; bao bì dệt PP dùng cho ngành thức ăn gia súc phân bón; bao bì mềm cao cấp dùng đựng hàng hóa và túi xách ghép màng với PP dệt dùng trong siêu thị; kinh doanh các vật tư nguyên liệu ngành nhựa.

Đầu năm 2001, từ số vốn cổ phần hóa nhỏ nhoi ban đầu là 4,7 tỷ, Công ty đã mạnh dạn đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất màng đa năng Châu Âu bao gồm: máy thổi 3 lớp, máy in Flexo 8 màu, máy ghép không dung môi, máy chia cuộn trị giá 30 tỷ đồng từ nguồn vốn vay của Ngân hàng.

Trong quá trình hoạt động vừa sản xuất vừa tích luỹ cho tái đầu tư, đến đầu năm 2004, Công ty đầu tư tiếp dây chuyền dệt bao PP từ Đài Loan và

Trung Quốc bao gồm: máy kéo chỉ, hệ thống máy dệt bao PP các loại trị giá 8 tỷ đồng. Đến tháng 9/2004, Công ty lại tiếp tục đầu tư 01 dàn máy tráng ghép màng phức hợp của Hàn Quốc trị giá 4 tỷ đồng. Tất cả được đầu tư từ nguồn thuê mua tài chính.

Công ty đã tiến hành hoạt động với mô hình hai Nhà máy: Nhà máy bao bì PP và Nhà máy bao bì cao cấp – xuất khẩu. Công ty cũng đã khai trương Cửa hàng trưng bày sản phẩm và kinh doanh nguyên vật liệu ngành nhựa và ngày 30/10/2004.

Trong năm 2005, Công ty đầu tư một máy seal ống và một máy cắt túi cho mặt hàng bao bì mềm trị giá 71,500.00 USD của Hàn Quốc; 10 máy dệt khổ lớn trị giá 100,000.00 USD của Đài Loan.

Đến tháng 12/2006, Công ty tiếp tục đầu tư một máy in bao bì nhựa PS-RW-C1064 trị giá 66,000.00 USD của Trung Quốc.

Nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, tập trung sản xuất để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường; Công ty một lần nữa đã mạnh dạn tăng vốn điều lệ từ 33 tỷ lên 80 tỷ đồng thông qua kênh thị trường Chứng khoán và nguồn vốn vay Ngân hàng để xây dựng và đầu tư đồng bộ hệ thống dây chuyền sản xuất của Châu Á và Châu Âu tại Nhà máy sản xuất bao bì ở KCN Tân Đức Long An với tổng diện tích xây dựng 2,8ha/5,07ha đất trong 50 năm trong tổng mức vốn đầu tư khoảng 118 tỷ đồng.

Hiện nay, thị trường nội địa chính của Công ty là cung cấp sản phẩm bao bì đựng thức ăn chăn nuôi gia súc, nuôi tôm và phân bón cho các Công ty lớn trong nước như: Cargiil, Proconco, Baconco, Tomboy, Greenfeed, Anco, Uni-President, Guyomarc'h VN, Vạn Sanh, CJ Vina...; Các loại bao bì mềm cho các Công ty như: Giấy Sài Gòn, Sông Đuống,... Thị trường xuất khẩu, chủ yếu là các loại túi xách dùng trong siêu thị như: Carrefour, Auchan, Cora, Intermaché; Màng phủ nông nghiệp cung cấp cho thị trường các tỉnh trong nước và thị trường xuất khẩu Úc.

Trong những năm gần đây, các sản phẩm của Công ty được khách hàng và các tập đoàn trong và ngoài nước đánh giá cao về chất lượng cũng như dịch vụ nhờ đó uy tín của thương hiệu VIKY PLASTIC ngày càng nâng cao.

Nhằm khai thác triệt để những lợi thế về tài sản thương hiệu cũng như dựa vào đặc điểm của sản phẩm ngành bao bì nhựa là sản phẩm tái chế lại được và bảo đảm về vấn đề môi trường, Công ty đã chọn phương án tập trung đầu tư đa

dạng hoá các loại sản phẩm nhằm tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về mặt địa lý, có nhu cầu lớn trong các ngành nông nghiệp, thuỷ sản... tại miền miền Tây và miền Trung.

II. Báo cáo của Hội đồng Quản trị:

Về thuận lợi năm 2007:

- Sự hiểu biết giữa khách hàng chiến lược và VIKYPLASTIC ngày càng sâu sắc, gắn bó đã tạo tiền đề cho việc hợp tác toàn diện.

- Chất lượng hàng hoá và dịch vụ của Công ty đã đáp ứng tốt những đòi hỏi khắt khe của khách hàng làm cho uy tín của VIKYPLASIC ngày càng nâng cao trên thị trường và trong ngành SX bao bì. Kết quả đã thu hút lượng khách hàng lớn tìm đến công ty.

- Công tác chỉ đạo và điều hành của Hội Đồng Quản Trị và luôn sâu sát đến từng vấn đề cụ thể, luôn uyển chuyển trong các thời đoạn khó khăn nhất là thời điểm cuối năm 2007 nhưng vẫn bám sát và kiên quyết thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất - kinh doanh - đầu tư ngay từ đầu năm với tinh thần hoạt động hiệu quả, đồng bộ và nhiệt tình.

- Hội Đồng Quản Trị chỉ đạo Ban Giám Đốc và các phòng nghiệp vụ thực hiện các thủ tục của Ủy Ban Chứng khoán và Sở Giao Dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh qui định với sự hỗ trợ của Công ty CP Chứng khoán Đại Việt đã giúp Công ty phát hành thành công 4.700.000 cổ phiếu và mang lại cho công ty lượng vốn thặng dư khoảng 55 tỷ đồng.

Khó khăn trong năm 2007:

- Một số mặt hàng nhiên liệu thiết yếu như điện, xăng dầu liên tục tăng. Điều này làm cho chi phí vận chuyển tăng cao kéo theo giá cả sinh hoạt, đời sống của người dân nói chung và cán bộ công nhân viên của Công ty nói riêng đã tăng rất cao làm cho chi phí tiền lương cũng tăng theo.

- Gia nhập WTO, ngoài cái "được" to lớn là cơ hội với thị trường rộng mở, cơ hội giao thương rộng rãi hơn, thì các doanh nghiệp nội địa, doanh nghiệp xuất khẩu sẽ không còn được sự hỗ trợ của chính phủ về chính sách thuế, lãi suất, khen thưởng xuất khẩu…

- Mức độ cạnh tranh trong ngành sản xuất bao bì nhựa ngày càng khốc liệt vì trong năm qua nhiều Công ty, Doanh nghiệp vừa và nhỏ đã triển khai xây dựng nhà máy sản xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận như Tiền Giang, Bình Dương dẫn đến cạnh tranh nhau về giá sản phẩm.

- Giá các loại nguyên liệu chủ yếu cho sản xuất của công ty tăng giá liên tục. Ví dụ như giá nhựa PP đầu năm so với cuối năm tăng khoảng 14 %. Công ty

đã phải hết sức vất vả để điều tiết kế hoạch sản xuất, bán hàng để phần nào hạn chế được tình trạng trên.

- Chưa có qui hoạch về nhân sự nên rất thiếu cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ khi thực hiện di dời sản xuất về Nhà máy trong năm 2008 về khu CN Tân Đức – Long An.

III. Báo cáo của Ban Giám Đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007 **Đơn vị tính: VNĐ**

TÀI SẢN	01/01/2007	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**61.611.141.129**	**181.107.966.544**
I. Tiền và các khoản đương tương tiền	**1.208.386.178**	**61.862.340.462**
1- Tiền	1.208.386.178	3.862.340.462
2- Các khoản tương đương tiền		58.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
III. Các khoản phải thu	**20.012.182.839**	**51.060.747.858**
1- Phải thu của khách hàng	19.279.027.055	25.162.084.856
2- Trả trước cho người bán	464.473.294	25.865.314.088
5- Các khoản phải thu khác	268.682.490	33.348.914
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		
IV. Hàng tồn kho	**30.247.712.901**	**56.234.963.710**
1- Hàng tồn kho	30.247.712.901	56.234.963.710
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
V. Tài sản ngắn hạn khác	**10.142.859.211**	**11.949.914.514**
2- Thuế GTGT đươc khấu trừ	319.274.062	3.104.893.427
3- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
4- Tài sản ngắn hạn khác	9.823.585.149	8.845.012.087
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**43.584.841.110**	**42.348.236.149**
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	**40.180.934.076**	**38.894.899.586**
1- Tài sản cố định hữu hình	32.224.359.362	29.428.655.462
- Nguyên giá	53.986.853.852	55.467.318.075
- Giá trị hao mòn lũy kế	(21.762.494.490)	(26.038.662.613)

2- Tài sản cố định thuê tài chính	7.537.004.674	6.529.730.086
- Nguyên giá	10.072.745.817	10.072.745.817
- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.535.741.143)	(3.543.015.731)
1- Tài sản cố định vô hình	334.571.133	270.941.913
- Nguyên giá	600.832.382	600.832.382
- Giá trị hao mòn lũy kế	(266.261.249)	(329.890.469)
4- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	84.998.907	2.665.572.125
III. Bất động sản đầu tư		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
V. Tài sản dài hạn khác	**3.403.907.034**	**3.453.336.563**
1. Chi phí trả trước dài hạn	1.388.228.941	2.025.054.019
3. Tài sản dài hạn khác	2.015.678.093	1.428.282.544
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**105.195.982.239**	**223.456.202.693**
NGUỒN VỐN	**31/12/2006**	**31/12/2007**
A. NỢ PHẢI TRẢ	**56.961.818.024**	**63.511.663.838**
I. Nợ ngắn hạn	**47.162.527.287**	**54.819.930.200**
1- Vay và nợ ngắn hạn	37.646.808.101	44.053.407.940
2- Phải trả cho người bán	4.804.060.965	6.623.908.155
3- Người mua trả tiền trước	33.388.263	39.430.709
4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	535.009.876	2.124.958.771
5- Phải trả công nhân viên	2.543.502.725	1.621.259.725
6- Chi phí phải trả		
7- Phải trả các đơn vị nội bộ		
8- Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng		
9- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.599.757.357	356.964.900
II. Nợ dài hạn	**9.799.290.737**	**8.691.733.638**
3. Phải trả dài hạn khác	673.302.940	564.149.744
4- Vay và nợ dài hạn	9.125.987.797	8.127.583.894
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**48.234.164.215**	**159.944.538.855**
I. Nguồn vốn quỹ	**48.188.999.758**	**159.820.937.520**
1- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	7.542.957.800	62.487.707.800

6- Quỹ đầu tư phát triển	4.792.348.398	5.868.284.687
7- Quỹ dự phòng tài chính	1.376.129.806	1.406.398.133
9- Lợi nhuận chưa phân phối	4.477.563.754	10.058.546.900
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**45.164.457**	**123.601.335**
1- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	45.164.457	123.601.335
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**105.195.982.239**	**223.456.202.693**

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Về sản phẩm:

Sản phẩm của Công ty CP Nhựa Tân Hóa được chia làm 5 nhóm sản phẩm sau:

a-1: Nhóm các SP bao PP dệt :

Bao PP dệt là sản phẩm chủ lực và là thế mạnh của Công ty được sản xuất từ hạt nhựa PP chính phẩm với dàn máy chỉ và máy dệt nhập từ Trung Quốc, tiếp tục qua các khâu tráng PE, cắt, in và may. Các chủng loại của nhóm sản phẩm này cũng khá đa dạng, bao gồm:

- Bao đựng phân bón;
- Bao đựng thức ăn cho cá;
- Bao đựng thức ăn cho gà, vịt;
- Bao đựng thức ăn cho heo.

a-2: Nhóm các SP bao PP ghép màng phức hợp:

Các loại màng PE được thổi bằng nguyên liệu chính phẩm từ máy thổi 3 lớp nhập từ italia và in với công nghệ Flexo 8 màu nhập từ Tân Ban Nha, sau đó được tráng và ghép với vải PP, tiếp tục qua các khâu cắt, xếp hông, may để hoàn thành sản phẩm. Bao gồm các loại sản phẩm sau:

- Bao đựng bột trét tường;
- Bao đựng thuốc trừ sâu;
- Bao đựng hóa chất xử lý hồ nuôi tôm;
- Bao đựng thức ăn tôm.

a-3: Nhóm các SP bao bì PE:

Các loại màng PE được thổi bằng nguyên liệu chính phẩm từ máy thổi 3 lớp nhập từ Italia và in với công nghệ Flexo 8 màu nhập từ Tân Ban Nha, sau đó qua các khâu chia cuộn, cắt và làm túi. Bao gồm các loại sản phẩm sau:

- Manh và túi PE dùng trong lĩnh vực giấy vệ sinh;
- Túi đựng băng vệ sinh;
- Túi đựng tả giấy em bé;

- Túi đựng bán trung thu;
- Túi đựng thức ăn gia súc.

a-4: Nhóm các SP màng thổi các loại:

Các loại màng LDPE, LLDPE, HDPE, màng nông nghiệp, màng phủ hồ nuôi tôm,... được thổi bằng nguyên liệu chính phẩm từ máy thổi 3 lớp nhập từ Italia. Bao gồm các loại sản phẩm sau:

- Màng nông nghiệp khổ từ 0,7m đến 1,6m;
- Màng phủ hồ nuôi tôm.

a-5: Nhóm các SP túi xách siêu thị và bao bì mềm xuất khẩu:

- Loại giỏ PP tráng ghép màng phức hợp: Các loại màng PE được thổi từ máy thổi 3 lớp nhập từ Italia và và in với công nghệ Flexo 8 màu nhập từ Tân Ban Nha, sau đó được tráng và ghép với vải PP, tiếp tục qua các khâu cắt, xếp hông, may để hoàn thành sản phẩm. Dùng để xuất khẩu cho các tập đoàn siêu thị Châu Âu;
- Loại bao bì mềm: Các loại màng PE được thổi bằng nguyên liệu chính phẩm từ máy thổi 3 lớp nhập từ Italia và in với công nghệ Flexo 8 màu nhập từ Tân Ban Nha, sau đó qua các khâu chia cuộn, cắt và làm túi.

b. Nguyên vật liệu:

Nguyên liệu chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu giá thành sản phẩm chủ yếu là nguyên liệu hạt nhựa PELLD, PELD, PEHD, PP… . Hầu hết nguyên liệu của Công ty được nhập khẩu từ các hãng sản xuất nổi tiếng trên thế giới như Asia Focus Ind Co.,Ltd (LLDPE); Hanwha Corporation (PELLD); Ampacet (Thailand) Co., Ltd (hạt màu); Louis Dreyfus Polymers (PP); Lotte Trading Co.,Ltd (PP) hoặc mua qua các đơn vị kinh doanh hạt nhựa trong nước như: Công ty TNHH Hợp Tiến, Công ty TNHH Hừng Đông; Công ty kinh doanh phụ gia như: Công ty TNHH Hóa chất DY Vina, Công ty CP TM-SX Đại Phát,…

Phần lớn các hợp đồng sản xuất Công ty ký với khách hàng là các hợp đồng từ 6 tháng đến 1 năm. Do vậy, hàng năm Công ty xây dựng kế hoạch mua nguyên liệu đặc biệt là nguyên liệu nhập khẩu. Năm 2007, do tình hình giá nguyên liệu tăng, không ổn định nên Ban điều hành Công ty có kế hoạch dự trữ nguyên liệu để ổn định sản xuất, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

c. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Hiện nay, Công ty đã ổn định và mở rộng hệ thống khách hàng tiêu thụ sản phẩm với thị trường là các Công ty liên doanh với nước ngoài chuyên cung cấp thức ăn gia súc. Trong đó Cargiil, Proconco, Baconco, Tomboy, Greenfeed, Anco, Uni-President là khách hàng chiến lược của công ty.

- Với chất lượng sản phẩm luôn ổn định và luôn giữ uy tín trong kinh doanh, Công ty đã mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cùng với sự phát triển lớn mạnh của khách hàng khắp các tỉnh trong nước.
- Công ty giữ vững vị trí là nhà cung cấp lớn nhất chủ yếu cho thị trường bao bì đựng thức ăn gia súc ở các tỉnh như Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Vĩnh Long, Hà Nam.

d. Tăng vốn điều lệ công ty bằng việc phát hành bổ sung cổ phiếu thực hiện theo nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2007:

Từ vốn điều lệ ngày 16/03/2007 là 30 tỷ đồng đến nay vốn đã đạt 80 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm được 4.700.000 cổ phiếu ra thị trường theo Quyết định số 111/UBCK-ĐKCB ngày 14/06/2007 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Song do tình hình thị trường chứng khoán vừa qua luôn biến động theo chiều hướng xấu làm cho giá cổ phiếu của hầu hết các công ty niêm yết giảm với tỷ lệ lớn bởi vậy công ty vừa qua chào bán được 4.700.000 CP, đạt 100% so với yêu cầu, tổng số tiền thu được chỉ là: 102.016.750.000đồng. Trong đó đa số các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hoặc mua rất ít cổ phiếu với giá 40.000 đồng/01 CP, đồng thời một số nhà đầu tư chiến lược là các tổ chức pháp nhân mua với giá 35.000 đ/01 CP. Công ty đã thực hiện tốt việc phân bổ cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ công nhân viên nhằm thu hút nhân tài và giữ người lao động phục vụ lâu dài cho công ty với số lượng 100.000 CP (chiếm 2,15 % trên tổng số cổ phiếu phát hành) và giá 10.000 đ/CP. Như vậy tổng số cổ phiếu đang lưu hành là: 8.000.000 CP

e. Công tác đầu tư:

Từ cuối năm 2007 cho tới nay Công ty đang đầu tư xây dựng thêm nhà máy sản xuất bao bì tại KCN Tân Đức – Long An với tổng mức đầu tư là gần 160 tỷ đồng để mở rộng sản xuất, đầu tư bổ sung thêm hệ thống máy móc thiết bị mới hiện đại Châu Âu và Châu Á, tăng diện tích kho bãi dự trữ nguyên vật liệu và bảo quản thành phẩm đồng thời tạo mặt bằng nhà xưởng hợp tác sản xuất-kinh doanh với nước ngoài nhằm tranh thủ đầu tư công nghệ và mở rộng thị trường xuất khẩu.

f. Công tác nghiên cứu, quản lý kỹ thuật:

Hợp lí hóa qui trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm bằng các phụ gia tiên tiến, thực hiện tốt quy trình kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000.

g. Công tác thị trường:

Với chất lượng sản phẩm luôn ổn định và luôn giữ uy tín trong kinh doanh, công ty đã ổn định và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

- Công ty đã thực hiện tốt công tác phân tích thị trường, kỹ năng kinh doanh và chăm sóc khách hàng.
- Thị trường nội địa: Công ty giữ vững vị trí là nhà cung cấp chủ yếu cho tập đoàn nước ngoài cung cấp thức ăn gia súc.
- Thị trường xuất khẩu: Bước đầu đã có những hợp đồng lớn và ổn định đối với sản phẩm giỏ siêu thị.

h. Công tác quản lí tài chính:

- Tuân thủ các chế độ của Nhà nước về chế độ hạch toán kế toán và các chuẩn mực kế toán;

- Thực hiện báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm theo quy định của Bộ tài chính đối với Công ty niêm yết;

- Quản lí và sử dụng đồng vốn an tòan, hiệu quả;

- Điều phối đáp ứng nhu cầu vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất - kinh doanh – đầu tư;

- Tìm được nguồn tín dụng lãi suất tốt, có những giải pháp huy động vốn hợp lí nên đảm bảo cung ứng đủ vốn cho hoạt động;

- Phản ánh chính xác, kịp thời các hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ hữu hiệu công tác điều hành.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Năm 2006	Năm 2007	So sánh
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**161.784.661.281**	**225.474.735.343**	**139,4%**
2- Các khoản giảm trừ doanh thu	413.251.401	474.0250.488	
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**161.371.409.880**	**225.000.484.855**	**139.4%**
4- Giá vốn hàng bán	142.312.392.955	198.956.017.578	139.8%
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**19.059.016.925**	**26.044.467.277**	**136.7%**
6- Doanh thu hoạt động tài chính	137.449.315	1.544.895.917	
7- Chi phí tài chính	5.546.412.761	5.349.907.636	
Trong đó: Chi phí lãi vay	*4.931.620.931*	*5.004.446.503*	
8- Chi phí bán hàng	1.959.477.129	2.407.497.383	
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.461.097.641	5.515.859.846	
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**7.229.478.709**	**14.316.098.329**	**198.02%**
11- Thu nhập khác	556.700.676	828.220.579	
12- Chi phí khác	37.503.097	89.918.147	
13- Lợi nhuận khác	**519.197.579**	**738.302.432**	**142.2%**
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**7.748.676.288**	**15.054.400.761**	**194,3%**
Tổng lợi nhuận kế toán chịu thuế TNDN			
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	774.867.629	2.258.160.114	
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm			
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN	**6.973.808.659**	**12.796.240.647**	**183,5%**
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.273**	**3.166**	

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4-1. Triển vọng phát triển của ngành:

Mục tiêu phát triển ngành Nhựa nước ta thành một ngành kinh tế mạnh, sử dụng tối đa nguyên liệu sản xuất trong nước, sử dụng công nghệ vật liệu mới, phát triển sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hoá về chủng loại, mẫu mã, nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu trong nước và tăng sản lượng xuất khẩu, tăng nguồn thu cho ngân sách, hội nhập vững chắc vào kinh tế khu vực và thế giới, Theo quy hoạch phát triển ngành nhựa ban hành kèm theo Quyết định số 11/2004/QĐ-BCN ngày 17 tháng 02 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp đến năm 2010 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tốc độ tăng trưởng của ngành Nhựa Việt Nam trong giai đoạn 2006 – 2010 đạt 15%/năm.

- Cân đối theo vùng, lãnh thổ Bắc – Trung – Nam với tỷ lệ tương ứng đến năm 2010 – 26 – 9 – 60

- Tiêu thụ bình quân đầu người đạt 40kg/người/năm vào năm 2010.

- Nguồn nguyên liệu sản xuất trong nước đến năm 2010 đáp ứng 50% nhu cầu.

Bảng sau cho thấy số liệu về tăng trưởng sản lượng của một số sản phẩm ngành nhựa năm 2010:

Đơn vị tính: Tấn.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Tốc độ tăng bq
1	Sản xuất bao bì	360.000	800.000	1.600.000	50%
2	Sản xuất vật liệu xây dựng	170.000	400.000	900.000	25%
3	Sản xuất sản phẩm nhựa gia dụng	300.000	550.000	900.000	13%
4	Sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật cao	120.000	350.000	800.000	26%
	Tổng cộng	**950.000**	**2.100.000**	**4.200.000**	**20%**

Nguồn: Quy hoạch phát triển ngành nhựa đến năm 2010 của Bộ Công nghiệp

4-2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008:

- Tổng sản lượng : 9.000 tấn
- Tổng doanh thu : 320 tỷ đồng, trong đó xuất khẩu : 50 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 15 tỷ đồng
- Cổ tức được hưởng : 10% - 12%

Đối với xí nghiệp bao bì PP: nâng công suất, đẩy mạnh tiêu thụ hàng nội địa, đồng thời mở rộng sản xuất bằng cách hợp tác sản xuất kinh doanh cùng với đối tác nước ngoài để đảm bảo kế hoạch năm 2008;

4-3. Kế hoạch đầu tư:

Đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực sản xuất với tổng vốn đầu tư là tỷ đồng, bao gồm các hạng mục sau :

1. Hệ thống máy thổi màng 3 lớp nhập từ Italia, trị giá EUR 745,000.00
2. Hệ thống máy in Flexo 8 màu nhập từ Italia, trị giá EUR 1,528,492.00
3. Hai bộ máy in cuộn nhập từ Trung Quốc, trị giá USD 137,600.00
4. Một bộ máy xếp hông nhập từ Trung Quốc, trị giá USD 15,800.00
5. Một dàn máy cắt may tự động nhập từ Trung Quốc, trị giá USD 27,500.00
6. Hai bộ máy tạo chỉ nhập từ Trung Quốc, trị giá USD 411,500.00
7. 50 máy dệt khổ lớn nhập từ Trung Quốc, trị giá USD 515,000.00
8. Ba máy tạo hạt Việt Nam, trị giá VND 620.000.000
9. Hai dàn máy in bao PP Flexo 8 màu Việt Nam, trị giá VND 250.000.000
10. Hai máy cắt bao PP Việt Nam, trị giá VND 72.000.000

Nguồn vốn cho đầu tư :

- Sử dụng nguồn khấu hao hàng năm để tái tạo tái sản xuất;
- Sử dụng quỹ phát triển sản xuất kinh doanh;
- Quay vòng vốn nhanh, sử dụng nguồn vốn tự có;
- Vay ngân hàng;
- Huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu;

4-4. Định hướng phát triển của Công ty:

1- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2008 (theo các chỉ tiêu đã nêu trong báo cáo);

2- Khai thác có hiệu quả dây chuyền máy móc hiện có và đầu tư mới;

3- Năm 2008 sẽ là năm công nghệ - thiết bị, do đó phải có bước đột phá là xây dựng nhà máy mới tập trung sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị theo hướng thân thiện với môi trường;

4- Nâng cao quản lý trong sản xuất bao bì nhựa nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng và nhân công. Nhanh chóng xây dựng định mức

lao động, định mức tiêu hao nguyên vật liệu để có cơ sở đàm phán, ký kết hợp đồng sản xuất gia công;

5- Nghiên cứu công nghệ sản xuất túi siêu thị và bao bì nhựa cho ngành cung cấp thức ăn gia súc và phân bón nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm. Hỗ trợ kỹ thuật tích cực và kịp thời cho các tổ sản xuất để giải quyết nhanh các sự cố phát sinh;

6- Nhanh chóng hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 đối với sản xuất bao bì;

7- Tăng cường tiếp thị bán hàng, củng cố ổn định các khách hàng cũ, phát triển khách hàng mới nhưng phải kiểm soát không để phát sinh nợ xấu. Tăng cường tiêu thụ sản phẩm bao bì trong nước, cố gắng phấn đấu đạt mức tiêu thụ 30% sản lượng hàng năm;

8- Quản lý tốt nguồn vốn, tích cực thu hồi công nợ, giảm vay ngân hàng, quay vòng vốn nhanh;

9- Nhanh chóng kiện toàn tổ chức, nâng cao tiềm lực về con người và tài chính để có thể thực hiện được những nhiệm vụ mới và nặng nề hơn;

10- Làm tốt công tác tuyển dụng và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân sản xuất. Thiết lập hệ thống quản lý điều hành điện tử trong công tác văn phòng và sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý;

11- Làm tốt công tác chế độ đối với CBCNV, không ngừng nâng cao mức sống của người lao động để họ gắn bó hơn với Công ty, và hăng say lao động

12- Thực hành tiết kiệm trong mọi chi phí, đặc biệt triệt để tiết kiệm nguồn năng lượng, điện nước.

IV. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

Ý kiến của Công ty Kiểm toán và kế Toán Hà Nội (CPA):

" Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 táng 12 năm 2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan".

V. Tổ chức và nhân sự:

1- Hội đồng Quản trị:

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội. Các thành viên HĐQT được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. HĐQT đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề

liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định. Hội đồng quản trị có trách nhiệm đưa ra các chính sách tồn tại và phát triển, đề ra các Nghị quyết hoạt động giao cho Giám đốc điều hành Công ty triển khai thực hiện.

2- Ban kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trong toàn bộ hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban.

3- Ban Giám đốc

Giám đốc là người điều hành và quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

4- ***Các phòng chức năng và các đơn vị sản xuất***

4.1- Phòng Tổ chức Hành chính – Lao động Tiền lương

Có nhiệm vụ sắp xếp cơ cấu tổ chức hợp lý. Tổ chức hoạt động các bộ phận với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ rõ ràng, hợp lý. Chịu trách nhiệm điều động nhân sự phục vụ sản xuất. Quản lý việc đào tạo nguồn nhân lực, các chính sách chế độ lao động tiền lương đối với người lao động. Các hoạt động của công tác quản trị hành chính như cơ sở, phương tiện phục vụ làm việc, văn thư lưu trữ, lễ tân,….

4.2- Phòng Tài chính Kế toán

Chịu trách nhiệm toàn bộ về các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính của công ty: vấn đề vốn, vấn đề hạch toán, công tác kiểm toán, kiểm kê, các vấn đề về thu chi,… Phân tích hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính để giúp Ban lãnh đạo ra quyết định trong sản xuất kinh doanh.

4.3- Phòng Kinh doanh

Tham mưu giúp Ban giám đốc hoạch định kế hoạch bán hàng. Tổ chức các hoạt động tìm hiểu thị trường, marketing, đàm phán ký kết các hợp đồng mua bán. Phối hợp với các bộ phận liên quan tổ chức sản xuất, giao nhận và theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng.

4.4- Phòng Khoa học kỹ thuật

Chịu trách nhiệm các vấn đề kỹ thuật của sản phẩm, kỹ thuật máy móc thiết bị. Hướng dẫn các bộ phận sản xuất sử dụng các phương tiện, thiết bị, nguyên liệu,…. một cách hiệu quả nhất. Phụ trách việc sửa chữa, bảo hành thiết bị, xây dựng và kiểm tra quy trình quản lý chất lượng. Nghiên cứu cải tiến

và áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật trong quá trình sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất.

4.5- Phòng Kế hoạch vật tư

Đảm bảo việc cung cấp nguyên vật liệu, vật tư phục vụ cho sản xuất theo yêu cầu tiến độ của kế hoạch Sản xuất kinh doanh. Tổ chức sắp xếp quản lý hệ thống kho tàng, cấp phát vật tư nguyên liệu kịp thời, chất lượng cho các hoạt động sản xuất của Công ty.

4.6- Cửa hàng kinh doanh và giới thiệu sản phẩm

Trực tiếp giới thiệu và quảng bá sản phẩm của Công ty. Quản lý hệ thống đại lý bán hàng, thực hiện kế hoạch kinh doanh riêng của mình (không phụ thuộc vào phòng kinh doanh) bao gồm hàng hóa của Công ty cũng như các lĩnh vực kinh doanh được cho phép (kinh doanh nguyên liệu và vật tư ngành nhựa).

4.7- Nhà máy sản xuất

Hai nhà máy (bao bì PP và bao bì cao cấp) tổ chức độc lập với hệ thống máy móc, nhà xưởng, kho tàng phù hợp với việc sản xuất các sản phẩm theo các hợp đồng bán hàng của Công ty. Tổ chức quản lý các phân xưởng, các tổ, các ca sản xuất vận hành với chất lượng và năng suất cao nhất đạt các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty giao

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

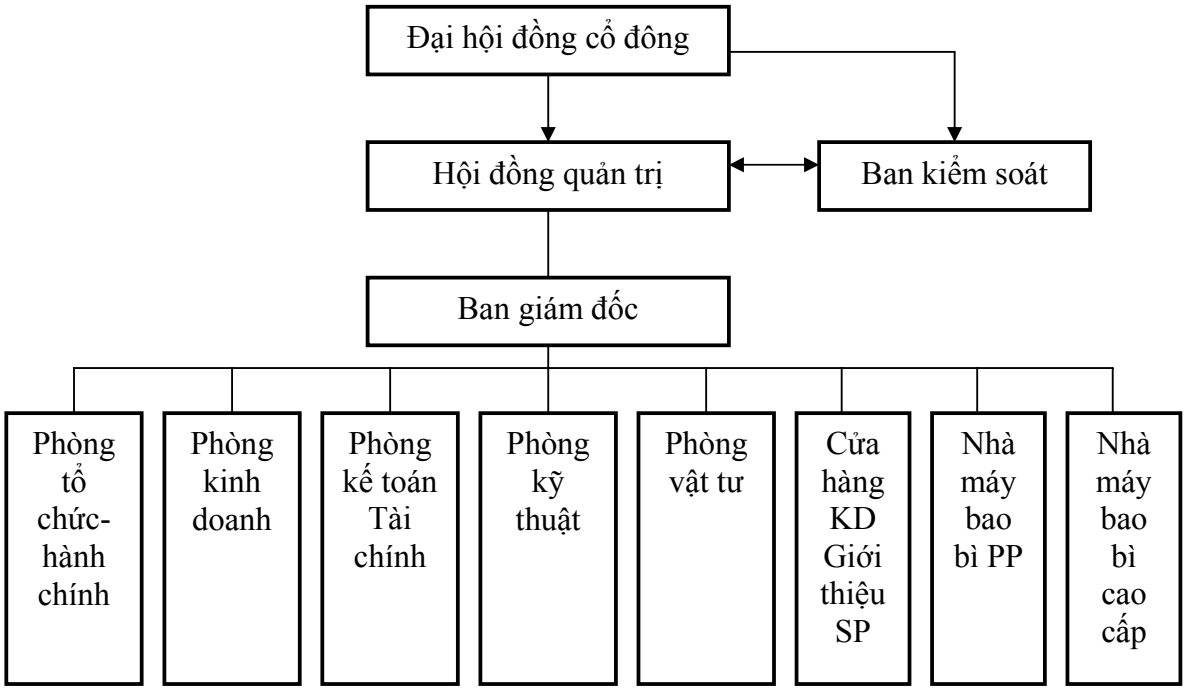

TÓM TẮT LÝ LỊCH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN HÓA

1- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Minh Châu	1946	020095617	Chủ tịch
2	Nguyễn Huy Cao An	1951	023131162	Phó chủ tịch
3	Nguyễn Huy Chính	1954	022026362	Thành viên
4	Trần Hoàng Dũng	1966	021449922	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thuỷ	1955	020465853	Thành viên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên:	**Nguyễn Thị Minh Châu**
Ngày tháng năm sinh:	03/11/1946
Giới tính:	Nữ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Số CMND:	020095617
Quê quán:	Hà Nội
Đ/C thường trú:	23 Nguyễn Huy Tự, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	08-9692394
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
1964 – 1965	Công nhân Nông trường Vinh Quang (Tiên Lãng, Hải Phòng)
10/1965 – 9/1969	Sinh viên trường Đại học Nông nghiệp I - khoa Kinh tế
10/1969 – 3/1973	Cán bộ đoàn chỉ đạo SX Nông nghiệp – Hải Phòng
3/1973 – 3/1976	Cán bộ phòng hợp tác hóa nông nghiệp thủy nguyên Hải Phòng

4/1976 – 6/1986	Giảng viên trường Quản lý Nông nghiệp – Ban Nông nghiệp TƯ
6/1986 – 8/1989	Phó Giám đốc XN Quốc doanh Nhựa Tân Hóa – Sở NN TP.HCM
9/1989 – 6/2000	Giám đốc XN QD Nhựa Tân Hóa
7/2000 đến nay	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc Công ty CP Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành:	Chủ tịch HĐQT – Giám Đốc Công ty CP Nhựa Tân Hoá
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác	Không

Số CP đang nắm giữ của bản thân: 366.388 CP, chiếm tỷ lệ 4,58% VĐL

Số CP những người có liên quan nắm giữ:

- Con Nguyễn Nguyệt Nga: 76.850 CP chiếm tỷ lệ 0,96%VĐL
- Con Nguyễn Việt Anh: 303.125 CP chiếm tỷ lệ 3,79% VĐL
- Em Nguyễn Huy Cao An: 165.000 CP chiếm tỷ lệ 2,06% VĐL

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các lợi ích liên quan với Tổ chức niêm yết: Không

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên:	**Nguyễn Huy Cao An**
Ngày tháng năm sinh:	19/01/1951
Giới tính:	Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Số CMND:	023131162
Quê quán:	Hà Nội
Đ/C thường trú:	11B Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	08-9692394
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Đại học sư phạm

Quá trình công tác:

1970 – 1973	Dạy học tại Hải Phòng
1973 – 1978	Đi B (Cán bộ chi viện) Tại Quảng Trị - Thừa Thiên Huế
1978 – 1981	Dạy học tại Hải Phòng
1981 – 1982	Cán bộ Ban cải tạo Nông nghiệp Miền Nam tại HCM
1982 – 1990	Cán bộ trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp Miền Nam
1990 – 1991	Cán bộ Công ty Liên doanh Salaco – Tp.HCM
1991 – 2000	Cán bộ XNQD Công ty Nhựa Tân Hóa
2000 đến nay	Phó CT HĐQT - Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành:	Phó CT HĐQT - Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác	Không

Số CP đang nắm giữ của bản thân: 165.000 CP chiếm tỷ lệ 2,06% VĐL

Số CP những người có liên quan nắm giữ:

- Vợ Lý Lệ Hoa: 161.511 CP chiếm tỷ lệ 2,02% VĐL
- Con Nguyễn Thị Thu Trang: 51.345 CP chiếm tỷ lệ 0,64%VĐL
- Chị Nguyễn Thị Minh Châu: 366.388 CP, chiếm tỷ lệ 4,58% VĐL

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các lợi ích liên quan với Tổ chức niêm yết: Không

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên:	**Nguyễn Huy Chính**
Ngày tháng năm sinh:	12/03/1954
Giới tính:	Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Số CMND:	022026362
Quê quán:	Hải Dương
Đ/C thường trú:	Số 1 Sông Đà, Phường 2, Quận Tân Bình,

	TP.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	08-9692394
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	
1972 – 1975	Bộ đội
1976 – 1977	Trường Đại học Dự bị TP.HCM
1977 – 1981	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM – Bộ đội Quân khu 7
1981 – 1984	Thượng úy – Trợ lý Cục Tài chính – Bộ Quốc phòng
1985 – 2000	Trưởng phòng Giao dịch – Ngân hàng Công thương Chi nhánh 12 TP.HCM
2000 – 2004	Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hóa
2005 đến nay	Ủy viên HĐQT – Cửa hàng trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành:	Ủy viên HĐQT - Cửa hàng trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác	Không

Số CP đang nắm giữ của bản thân: 18.350 CP chiếm tỷ lệ 0,23% VĐL

Số CP những người có liên quan nắm giữ:

- Vợ Phan Thị Thu Hương: 12.575 CP chiếm 0,16% VĐL
- Con Nguyễn Hoàng Chung: 49.766 CP chiếm tỷ lệ 0,62%VĐL

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các lợi ích liên quan với Tổ chức niêm yết: Không

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên:	**Nguyễn Thị Thuỷ**
Ngày tháng năm sinh:	11/10/1955
Giới tính:	Nữ
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:	Kinh
Số CMND:	020465853
Quê quán:	Long An
Đ/C thường trú:	Lô 60/11 Nguyễn Đình Chiểu, P.4, Q.3 TP.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	08-9692394
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Sơ cấp kế toán
Quá trình công tác:	
1976 – 1977	Sơ cấp kế toán – Trường tài chánh 4
1977 – 1979	Làm việc tại XN Hiệp Phong – Công ty TĂGS (Sở Nông Nghiệp)
1979 - 2000	Kế toán XN Nhựa Tân Hóa
Từ 2000 đến nay	Quản đốc phân xưởng 3 Công ty CP nhựa Tân hoá
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành:	Ủy viên HĐQT - Quản đốc PX 3 Công ty CP Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác	Không

Số CP đang nắm giữ của bản thân: 1.850 CP chiếm tỷ lệ 0,023% VĐL

Số CP những người có liên quan nắm giữ:

- Con Ngô Phước Hậu: 1.708 CP chiếm tỷ lệ 0,02% VĐL
- Con Ngô Phước Trung: 10.000CP chiếm tỷ lệ 0,13%VĐL

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các lợi ích liên quan với Tổ chức niêm yết: Không

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên:	**Trần Hoàng Dũng**
Ngày tháng năm sinh:	30/11/1966
Giới tính:	Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Hoa
Số CMND:	021449922

Quê quán:	Trung Quốc
Đ/C thường trú:	220B Phan Văn Khỏe, Phường 2, Quận 6, Tp. HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	08-9692394
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Trung học GTVT – Ngành máy tàu thủy
Quá trình công tác:	
1991-1993	Công nhân máy kéo sợi Nhựa Tân Hóa
1994-2000	Kỹ thuật máy tráng – máy chế bản – dây chuyền máy in Flexo – Xí nghiệp Nhựa Tân Hóa
2001-2003	Trưởng bộ phận in ấn – Thiết kế - Chế bản Phân xưởng Bình Chánh – Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa
2004- 2005	Phó quản đốc Phụ trách kỹ thuật và sản xuất Phân xưởng Bình Chánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa
1/2006 đến nay	Ủy viên HĐQT - Quản đốc Phân xưởng Bình Chánh Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành:	Quản đốc Phân xưởng Bình Chánh – C.ty Cp Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác	Không

Số CP đang nắm giữ của bản thân: 16.910 CP chiếm tỷ lệ 0,21% VĐL

Số CP những người có liên quan nắm giữ:

- Vợ Trần Thị Bích Vân :9.000 CP chiếm tỷ lệ 0,11%VĐL

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các lợi ích liên quan với Tổ chức niêm yết: Không

2- Thành viên Ban kiểm soát Công ty

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Phạm Đức Trình	1953	021348635	Trưởng Ban
2	Nguyễn Thị Tuyết Lan	1954	020262506	Thành viên
3	Trần Hoà Nguy	1968	024001182	Thành viên

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên:	**Phạm Đức Trình**
Ngày tháng năm sinh:	05/05/1953
Giới tính:	Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Số CMND:	021348635
Quê quán:	Thái Bình
Đ/C thường trú:	44 Hoa Đào – Khu dân cư Rạch Miễu, P.2, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	08-9692394
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Đại học Ngoại thương Hà Nội
Quá trình công tác:	
1978 – 1986	CN Tổng Công ty XNK Hàng Dệt VN (TEXTIMEX)
1986 – 1989	Liên hiệp các xí nghiệp may Trung Ương (Conpectimex)
1990 - 1996	Trưởng phòng Vật tư - Kế hoạch – Seaspimex
1996 – 2006	Phó Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh sản xuất phụ tùng (VMP Co. LTD)
Từ 2007 đến nay	Công ty CP Thủy Đặc Sản
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành:	Trưởng Ban kiểm soát Công Ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác	Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư Công ty CP Thủy Đặc Sản

Số CP đang nắm giữ của bản thân: 26.136 CP chiếm tỷ lệ 0,33% VĐL

Số CP những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các lợi ích liên quan với Tổ chức niêm yết: Không

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên:	**Trần Hoà Nguy**
Ngày tháng năm sinh:	09/06/1968
Giới tính:	Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Số CMND:	024001182
Quê quán:	Thái Bình
Đ/C thường trú:	38/48 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Tp. HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	08-9692394
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
1986- 1989	Bộ đội Hải Quân
1989-1993	Nhân viên H25, Tổng cục IV- Bộ Công an, SV ĐH KT
1993 – 2000	Kế toán tổng hợp Công ty Bạch Đằng – Bộ Công An
2000- 2001	Kế toán trưởng Công ty TNHH Đại Hưng
2001- 2004	Kế toán tổng hợp Công ty Xây dựng 44 – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
2004 đến nay	Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành:	Thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán tổng hợp Công ty CP Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác	Không

Số CP đang nắm giữ của bản thân: Không

Số CP những người có liên quan nắm giữ:

- Vợ Nguyễn Thanh Huyền: 5.263 CP chiếm tỷ lệ 0,065%VĐL

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các lợi ích liên quan với Tổ chức niêm yết: Không

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên:	**Nguyễn Thị Tuyết Lan**
Ngày tháng năm sinh:	05/07/1954
Giới tính:	Nữ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Số CMND:	020262506
Quê quán:	Ninh Bình
Đ/C thường trú:	115/168 Lê Văn Sỹ - Phường 13, Q.Phú Nhuận - TP.HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	08-9692394
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Tài chánh Kế toán
Quá trình công tác:	
1976 – 1977	Nhân viên văn thư Ban chỉ đạo Thi Công Thủy Lợi (Ban khai hoang XDNT)
1977 – 1992	Nhân viên thủ quỹ XNLH Xây dựng Thủy lợi – Công ty Gia Định
1992 - 1997	Nhân viên kế toán Công ty Gia Định
1998 - 1999	Kế toán trưởng Công ty Gia Định
1999 – nay	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành:	Thành viên Ban kiểm soát Công Ty CP Nhựa Tân Hóa
Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn

Số CP đang nắm giữ của bản thân: 9.198 CP chiếm tỷ lệ 0,115% VĐL

Số CP những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các lợi ích liên quan với Tổ chức niêm yết: Không

3- Ban Giám Đốc Công ty

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Minh Châu	1946	020095617	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Huy Cao An	1951	023131162	Phó Tổng giám đốc

(Xin xem phần Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty)

4- Kế toán trưởng

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Huỳnh Lê Mỹ Thi	1974	310914574	Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên:	**Huỳnh Lê Mỹ Thi**
Ngày tháng năm sinh:	01/05/1974
Giới tính:	Nữ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Số CMND:	310914574
Quê quán:	Tiền Giang
Đ/C thường trú:	24D Ngô Bệ, P13, Q.Tân Bình, TP HCM
ĐT liên lạc ở cơ quan:	08-9692394
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
1995 - 2000	KTT Công ty TNHH Nhật Linh (LiOA) – CN TP HCM
2000 – 2004	Kế toán trưởng Công ty TNHH DV-KT Toàn Thắng
2004 – nay	Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Tân Hoá

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Kế toán trưởng Công Ty CP Nhựa Tân Hóa

Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không

Số CP đang nắm giữ của bản thân: 17.626 CP, chiếm tỷ lệ 0,22% VĐL

Số CP những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các lợi ích liên quan với Tổ chức niêm yết: Không

1- Số người lao động trong Công ty

So với thời điểm mới thành lập Công ty, đội ngũ CBCNV hiện nay đã được tinh giản gọn nhẹ hiệu quả hơn, được đào tạo bài bản, có kỹ năng làm việc và tinh thần kỷ luật. Lực lượng lao động Công ty được phân chia thành các cấp như sau: Cán bộ đầu ngành, các bộ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật, công nhân vận hành thiết bị chuyên dùng …

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số CBCNV của Công ty là 549 người, cơ cấu lao động như sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng (%)
I. Phân theo trình độ lao động	**549**	**100%**
1. Đại học	16	2.91%
2. Cao đẳng, trung cấp	33	6.01%
3. Lao động sơ cấp	440	80.15%
4. Công nhân kỹ thuật	36	6.56%
5. Lao động thời vụ	24	4.37%
II. Phân theo công việc	**549**	**100%**
1. Lao động trực tiếp	505	91.99%
2. Lao động gián tiếp	44	8.01%

Lực lượng lao động đủ năng lực vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tiếp tục phát huy trình độ khoa học kỹ thuật nâng cao tay nghề đảm bảo thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

2- Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp…

Công ty tạo môi trường và điều kiện làm việc ổn định cho 567 công nhân viên chức, nâng thu nhập bình quân một người/tháng đạt trên 2.000.000 đồng.

Việc thực hiện luật lao động, pháp lệnh bảo hộ lao động, chế độ bảo hiểm xã hội, an toàn lao động được thực hiện tốt, tránh không để xảy ra tai nạn lao động. Các chế độ hợp đồng lao động, tiền lương Công ty thực hiện đúng chính sách Nhà nước qui định, đặc biệt duy trì tốt chế độ làm việc, tính theo lương sản phẩm đảm bảo năng lực tay nghề của người lao động.

Cùng với chế độ thực hiện và chăm lo đời sống, hàng năm Công ty đã tổ chức các lớp huấn luyện đào tạo công nhân thi tay nghề, qui trình an toàn lao động chung và cho những công nhân làm việc ở các khu vực có yêu cầu cấp độ an toàn cao.

Công tác kiểm tra an toàn lao động, an toàn thiết bị, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm được Ban bảo hộ lao động Công ty thực hiện thường xuyên, định kỳ. Môi trường lao động sản xuất được chú trọng đầu tư nâng cấp.

3- Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Cổ đông sẽ được chia cổ tức theo phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh cho phép Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời gian mỗi 06 tháng một lần.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

VI. Các dữ liệu về cổ đông:

- Tòan bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông.
- Tổng số cổ phiếu: 80.000.000 cổ phiếu (Mệnh giá: 10.000 đồng/1 cổ phiếu)
- Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu là 19.833đ
- Hiện nay Công ty có 588 cổ đông, trong đó:

• 150 cổ đông là cán bộ công nhân viên Công ty, nắm giữ 1,48% vốn;

• 413 cổ đông bên ngoài Công ty, nắm giữ 49,21% vốn;

• 06 cổ đông là pháp nhân Việt Nam, nắm giữ 23,33% vốn;

• 02 cổ đông nước ngoài, nắm giữ 5,06% vốn;

• 01 cổ đông Nhà nước, nắm giữ 4,98% vốn;

• 16 cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, KTT và những người có liên quan, mắn giữ 16,11% vốn;

Ghi chú: có 02 cổ đông lớn là pháp nhân (tổ chức) nắm giữ 21,06% vốn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2008

CÔNG TY CP NHỰA TÂN HÓA

T/M. Hội Đồng Quản trị

CHỦ TỊCH

NGUYỄN THỊ MINH CHÂU

Nơi nhận:

- *UBCKNN*
- *SGDCK TP. HCM*
- *Lưu HĐQT - Công ty*